

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC-TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số 173 /NĐCP-KHĐTVT

V/v Báo giá vật tư phục vụ Bảo dưỡng, sửa chữa, xe
hút bụi mã hiệu T1387

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Quý Công ty và các đơn vị quan tâm

Trước tiên, Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý đơn vị trong thời gian qua.

Hiện tại Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV có nhu cầu Mua vật tư phục vụ Bảo dưỡng, sửa chữa, xe hút bụi mã hiệu T1387.

Để có cơ sở lập dự toán và lựa chọn được đơn vị thực hiện công việc trên, Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá vật tư theo bảng khối lượng chi tiết đính kèm.

- Địa điểm thực hiện: tại Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV

- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của đơn vị ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của đơn vị kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý đơn vị xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Hình thức báo giá: gửi chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp (có email kèm theo)

- Địa chỉ nhận báo giá: Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư, Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, Tổ 4, khu 4A phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh.

- Email: khdtvt.ndcp@gmail.com

- Điện thoại: 02033 731 030

- Cán bộ phụ trách nghiệp vụ: Mrs Hoài 0913.902.586

- Cán bộ phụ trách kỹ thuật: Mr Tùng 0911.205.206

Thời gian báo giá chậm nhất vào 16h00 ngày 30 tháng 01 năm 2026

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (B/c);
- Trang web TCTĐL-TKV (đăng tải);
- Trang web TKV (đăng tải);
- Phòng KH-ĐT-VT;
- Lưu VT, NTH⁽²⁾.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nông Duy Nhương

PHỤ LỤC BÁO GIÁ

Vật tư phục vụ Bảo dưỡng, sửa chữa, xe hút bụi mã hiệu T1387

(Đính kèm công văn số

/NĐCP-KHĐTVT ngày / /2026)

STT	Tên vật tư, hàng hoá	Nhãn hiệu, mã hiệu, danh điểm, quy cách	ĐVT	Số lượng
I	Động cơ xe:	EQB180-20		
1	Bản thể động cơ			
1.1	Bạc trục cam	D22xH55	Cái	7,0
1.2	Piston	A3913908	Quả	6,0
1.3	Ắc piston	A3901793	Cái	6,0
1.4	Xéc măng	A3913908-1	Bộ	6,0
1.5	Sơ my	D200xH110	Cái	6,0
1.6	Bạc ắc tay biên	D40xH40	Cái	6,0
1.7	Bạc biên	3971970	Bộ	6,0
1.8	Bạc ba li ê	3929021	Bộ	7,0
1.9	Cần dơ dọc trục cơ	392772	Bộ	1,0
1.10	Gioăng trung tu động cơ	EQB180-20	Bộ/máy	1,0
1.11	Phốt ghép xúp páp	7912189	Cái	12,0
1.12	Phốt đầu trục cơ	A3900709	Cái	1,0
1.13	Phốt đuôi trục cơ	A3925529	Cái	1,0
1.14	Phin lọc dầu máy	LF3349	Cái	0
1.15	Cao su chân máy trước	82x70	Cái	2,0
1.16	Móng hãm	A3901117-1	Cái	24,0
1.17	Ống dẫn nước động cơ	Φ40xL2000	Cái	3,0
1.18	Bạc bánh răng trung gian	Φ25x35	Bộ	1,0
1.19	Phin lọc gió	SFA-054OP	Quả	1,0
1.20	Bơm tay dầu nhiên liệu	7003526	Cụm	1,0
1.21	Bịt mắt nước	D60xH10	Cái	6,0
1.22	Bơm dầu bôi trơn	4935792	Cụm	1,0
1.23	Gioăng mặt máy	W4076	Cái	1,0
1.24	Gioăng giàn cò	C17	Cái	6,0
1.25	Bơm nước làm mát động cơ	4935793	Cụm	1,0
1.26	Van hằng nhiệt	A3914489	Cụm	1,0
1.27	Van tắt máy	C4942879	Cái	1,0
1.28	Kết sinh hàn	3957544	Cái	1,0
1.29	Bu ly tỷ tăng dây cu doa (Thay vòng bi)	3937553 - 6204NSE	Cái	1,0
2	Bơm cao áp	70C25642		

2,1	Bộ gioăng đại tu cao áp	70C25642-3	Bộ	1,0
2,2	Bộ van kim phun (Thay ruột)	43919366	Bộ	6,0
2,3	Phin lọc tinh nhiên liệu	FS1280	Cái	0
2,4	Phin lọc thô nhiên liệu	FF5327	Cái	1,0
2,5	Long đen dầu các loại	D15xd10.	Cái	30,0
2,6	Dây cu doa động cơ	8PK1440	Sợi	2,0
3	Máy nén khí	C3415353		
3.1	Xéc măng	D90xd87xH2	Bộ	1,0
3.2	Gioăng máy nén khí	C3415353-2	Bộ	1,0
3.3	Bạc biên	C3415353-1	Bộ	1,0
3.4	Nắp máy chia hơi	C3415353-1	Bộ	1,0
3.5	Vòng bi (2 đầu)	BR00018 - 6307	Vòng	2,0
II	Động cơ hút bụi (Động cơ di chuyển)	6BT59-C120		
1	Bản thể động cơ			
1.1	Bạc trục cam	D22xH55	Cái	7,0
1,2	Piston	A3913908	Quả	6,0
1,3	Ắc piston	A3901793	Cái	6,0
1,4	Xéc măng	A3913908-1	Bộ	6,0
1,5	Phanh cổ ắc piston	A3901793-1	Cái	12,0
1,6	Sơ my	D200xH110	Cái	6,0
1,7	Bạc ắc tay biên	D40xH40.	Cái	6,0
1,8	Bạc biên	3971970	Bộ	6,0
1,9	Bạc ba li ê	3929021	Bộ	7,0
1.10	Cần dơ dọc trục cơ	392772	Bộ	1,0
1,11	Gioăng trung tu động cơ	6BT59-C120-1	Bộ/máy	1,0
1.12	Phốt ghép xúp páp	7912189	Cái	12,0
1,13	Phốt đầu trục cơ	A3900709	Cái	1,0
1.14	Phốt đuôi trục cơ	A3925529	Cái	1,0
1.15	Phin lọc dầu máy	LF3349	Cái	0
1.16	Cao su chân máy trước	D82xH70.	Cái	2,0
1.17	Xu páp hút	A3901117	Cái	6,0
1.18	Xu páp xả	A3901117	Cái	6,0
1.19	Dẫn hướng xu páp	D15xd8xH90	Cái	12,0
1,20	Miệng xi e	D38xH10	Cái	12,0
1,21	Cò mổ	8080-75	Cái	12,0
1,22	Móng hãm	A3901117-3	Cái	24,0
1,23	Ống dẫn nước động cơ	D40xL300	Mét	3,0

1.21	Máy phát	JFZ2730	Cụm	
-	Chổi than	JFZ2730-1	Cái	1,0
-	Vòng bi	6204 2Z-C3	Vòng	0
2	Hệ thống điều hoà			
2.1	Lốc nén Sanden	V-59G	Cụm	1,0
2.2	Bộ làm lạnh BEU-404-100 bao gồm:	BEU-404-100	Bộ	1,0
-	Quạt giàn lạnh	376B	Cái	1,0
-	Giàn lạnh	100129A	Cái	1,0
-	Rơ le nhiệt	E1518	Cái	1,0
-	Công tắc quạt gió	5A000	Cụm	1,0
-	Công tắc số	AV2312	Cụm	1,0
-	Điện trở số	H0811	Cái	1,0
-	Van tiết lưu	1020	Cái	1,0
2.3	Giàn nóng	HBS43x34	Cụm	1,0
2.4	Quạt gió giàn nóng lồng sắt	356R	Cụm	1,0
2.5	Van áp suất	196M	Cụm	1,0
2.6	Ổng tuy ô hạ áp lốc	D13	m	3,5
2.7	Ổng tuy ô cao áp lốc	D10	m	3,0
2.8	Ổng tuy ô cao áp giàn nóng	D10	m	8,0
2.9	Ổng tuy ô cao áp phin lọc	D8	m	2,0
2.10	Khớp nối ống ga	D10	Cái	8,0
2.11	Phin lọc ga	R515	Cái	1,0
2.12	Dầu lốc lạnh	RN 68H	Lít	0,5
2.13	Ga điều hòa	134A	Kg	2,0
V	Bộ lai máy hút chân không (bộ ly hợp)		Bộ	
1	Lá côn	D320xH15.	Cái	1,0
2	Bi dẫn hướng	D70xR32xH25.	Bộ	1,0
3	Căn bi	D70xH5	Bộ	1,0
4	Gioăng phốt	D100xR1.5xH70	Bộ	1,0
VI	Bơm hút bụi (Đầu nén máy hút bụi)	16208-B		
1	Ruột máy hút bụi	16208-B3	Cái	
-	Căn trục	16208-B3-1	Cái	4,0
-	Phốt	16208-B3-2	Cái	4,0
-	Vòng bi (2 đầu)	D140xR65xH34 - CR	Vòng	4,0
2	Gioăng làm kín mặt chà	16208-B3-4	Cái	4,0
3	Phốt trục bơm	D88xR140xH9 - CR-34883	Cái	5,0
4	Phốt đuôi bơm	D64xR82xH8	Cái	1,0
VII	Hộp số			
1	Bi tê hộp số	0GT16	Cái	2,0
VIII	Phân găm			

1	Giảm sóc trước	2921FB	Cái	2,0
2	Sơn chống rỉ gầm, la răng	2KB450	Kg	20,0
IX	Phần vỏ (thùng hút bụi - ca bin xe)			
1	Thùng hút bụi			
1.1	Thép tấm dày 5mm	KT tấm tôn: 3.0mx0,5mx2	Kg	290,5
1,2	Thép tấm SUS304 dày 3mm (Ốp thùng chứa)	KT tấm tôn: 2.2mx2,05m	Kg	106,2
1,3	Thép hình U60 (Thay thế, gia cố xương sườn thùng)	U60xD600xd5	Mét	10,0
1,4	Gioăng làm kín nắp ben	D1473. VL Cao su	Bộ	1,0
1,5	Gioăng làm kín thành thùng	D1473. VL Cao su	Mét	30,0
2	Ca bin xe			
2.1	Gạt mưa	J5	Cái	2,0
2.2	Thép tấm dày 2mm	KT tấm tôn: 0.15mx3.5m	Kg	0
2.3	Bọc ghế lái, phụ, ghế dài sau lái	Bọc lại da	Bộ	1,0
2.4	Que hàn K7018; D3,2	D 3,2 mm	Kg	0
3	Sơn thùng hút bụi			
3.1	Sơn màu hai thành phần	2KB450	Kg	20,0
3.2	Sơn chống rỉ hai thành phần	2KB450	Kg	10,0
3.3	Dầu pha sơn	Putin	Lít	5,0
3.4	Bả matít hộp	380	Thùng	3,0
4	Sơn ca bin xe			
4.1	Sơn màu hai thành phần	2KB450	Kg	25,0
4.2	Sơn đen hai thành phần	2KB450	Kg	7,0
4.3	Sơn lót hai thành phần	2KB450	Kg	4,0
4.4	Dung môi pha sơn chống rỉ	Putin	Kg	2,5
4.5	Dung môi pha sơn M601	M601	Kg	18,0
4.6	Chất làm khô sơn M112	M112	Kg	18,0
4.7	Bả matít hộp	380	Kg	10,0

CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

PHÒNG KỸ THUẬT- AN TOÀN

Số:07.../ĐN-KTAT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 01 năm 2026.

ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ

Căn cứ nhu cầu công việc: Căn cứ Biên bản giải thể bước 2 số 03-12/2025/BBGĐB2 - Bảo dưỡng, sửa chữa xe hút bụi mã hiệu T1387

Nội dung công việc: Mua vật tư phục vụ sửa chữa, thay thế.

Chủng loại và số lượng vật tư cần mua gấp :

STT	Tên vật tư, hàng hoá	Nhãn hiệu, mã hiệu, danh điểm, quy cách	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng				Ghi chú
					Nhu cầu	Phê duyet	Hiện có trong kho	Cần mua	
I	Động cơ xe:	EQB180-20							
1	Bản thể động cơ								
1.1	Bạc trục cam	D22xH55		Cái	7.0	7.0	0	07	
1.2	Piston	A3913908		Quả	6.0	6.0	0	06	
1.3	Ắc piston	A3901793		Cái	6.0	6.0	0	06	
1.4	Xéc măng	A3913908-1		Bộ	6.0	6.0	0	06	
1.5	Sơ my	D200xH110		Cái	6.0	6.0	0	06	
1.6	Bạc ắc tay biên	D40xH40.		Cái	6.0	6.0	0	06	
1.7	Bạc biên	3971970		Bộ	6.0	6.0	0	06	
1.8	Bạc ba li ê	3929021		Bộ	7.0	7.0	0	06	
1.9	Cần dơ dọc trục cơ	392772		Bộ	1.0	1.0	0	01	
1.10	Gioăng trung tu động cơ	EQB180-20		Bộ/máy	1.0	1.0	0	01	
1.11	Phốt ghép xúp páp	7912189		Cái	12.0	12.0	00	12	
1.12	Phốt đầu trục cơ	A3900709		Cái	1.0	1.0	0	01	
1.13	Phốt đuôi trục cơ	A3925529		Cái	1.0	1.0	0	01	
1.14	Phin lọc dầu máy	LF3349		Cái	1.0	1.0	02	0	
1.15	Cao su chân máy trước	82x70		Cái	2.0	2.0	0	02	
1.16	Móng hãm	A3901117-1		Cái	24.0	24.0	0	24	
1.17	Ống dẫn nước động cơ	Φ40xL2000		Cái	3.0	3.0	0	03	
1.18	Bạc bánh răng trung gian	Φ25x35		Bộ	1.0	1.0	0	01	
1.19	Phin lọc gió	SFA-054OP		Quả	1.0	1.0	0	01	

STT	Tên vật tư, hàng hoá	Nhãn hiệu, mã hiệu, danh điểm, quy cách	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng				Ghi chú
					Nhu cầu	Phê duyet	Hiện có trong kho	Cần mua	
1.20	Bơm tay dầu nhiên liệu	7003526		Cụm	1.0	1.0	0	01	
1.21	Bịt mắt nước	D60xH10		Cái	6.0	6.0	0	06	
1.22	Bơm dầu bôi trơn	4935792		Cụm	1.0	1.0	0	01	
1.23	Gioăng mặt máy	W4076		Cái	1.0	1.0	0	01	
1.24	Gioăng giàn cò	C17		Cái	6.0	6.0	0	06	
1.25	Bơm nước làm mát động cơ	4935793		Cụm	1.0	1.0	0	01	
1.26	Van hằng nhiệt	A3914489		Cụm	1.0	1.0	0	01	
1.27	Van tắt máy	C4942879		Cái	1.0	1.0	0	01	
1.28	Kết sinh hàn	3957544		Cái	1.0	1.0	0	01	
1.29	Bu ly tỷ tăng dây cu doa (Thay vòng bi)	3937553 - 6204NSE		Cái	1.0	1.0	0	01	
2	Bơm cao áp	70C25642							
2.1	Bộ gioăng đại tu cao áp	70C25642-3		Bộ	1.0	1.0	0	01	
2.2	Bộ van kim phun (Thay ruột)	43919366		Bộ	6.0	6.0	0	06	
2.3	Phin lọc tinh nhiên liệu	FS1280		Cái	2.0	2.0	03	0	
2.4	Phin lọc thô nhiên liệu	FF5327		Cái	1.0	1.0	0	01	
2.5	Long đen dầu các loại	D15xd10.		Cái	30.0	30.0	0	30	
2.6	Dây cu doa động cơ	8PK1440 (1450)		Sợi	2.0	2.0	01	02	
3	Máy nén khí	C3415353							
3.1	Xéc măng	D90xd87xH2		Bộ	1.0	1.0	0	01	
3.2	Gioăng máy nén khí	C3415353-2		Bộ	1.0	1.0	0	01	
3.3	Bạc biên	C3415353-1		Bộ	1.0	1.0	0	01	
3.4	Nắp máy chia hơi	C3415353-1		Bộ	1.0	1.0	0	01	
3.5	Vòng bi (2 đầu)	BR00018 - 6307		Vòng	2.0	2.0	0	02	
II	Động cơ hút bụi (Động cơ di chuyển)	6BT59-C120							
1	Bản thể động cơ								
1.1	Bạc trục cam	D22xH55		Cái	7.0	7.0	0	07	
1.2	Piston	A3913908		Quả	6.0	6.0	0	06	
1.3	Ắc piston	A3901793		Cái	6.0	6.0	0	06	
1.4	Xéc măng	A3913908-1		Bộ	6.0	6.0	0	06	

STT	Tên vật tư, hàng hoá	Nhãn hiệu, mã hiệu, danh điểm, quy cách	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng				Ghi chú
					Nhu cầu	Phê duyet	Hiện có trong kho	Cần mua	
1.5	Phanh cô ác piston	A3901793-1		Cái	12.0	12.0	0	12	
1.6	Sơ my	D200xH110		Cái	6.0	6.0	0	06	
1.7	Bạc ác tay biên	D40xH40.		Cái	6.0	6.0	0	06	
1.8	Bạc biên	3971970		Bộ	6.0	6.0	0	06	
1.9	Bạc ba li ê	3929021		Bộ	7.0	7.0	0	07	
1.10	Cần dơ dọc trục cơ	392772		Bộ	1.0	1.0	0	01	
1.11	Gioăng trung tu động cơ	6BT59-C120-1		Bộ/máy	1.0	1.0	0	01	
1.12	Phốt ghép xúp páp	7912189		Cái	12.0	12.0	0	12	
1.13	Phốt đầu trục cơ	A3900709		Cái	1.0	1.0	0	01	
1.14	Phốt đuôi trục cơ	A3925529		Cái	1.0	1.0	0	01	
1.15	Phin lọc dầu máy	LF3349		Cái	1.0	1.0	0.1	0	
1.16	Cao su chân máy trước	D82xH70.		Cái	2.0	2.0	0	02	
1.17	Xu páp hút	A3901117		Cái	6.0	6.0	0	06	
1.18	Xu páp xả	A3901117		Cái	6.0	6.0	0	06	
1.19	Dẫn hướng xu páp	D15xd8xH90		Cái	12.0	12.0	0	12	
1.20	Miệng xi e	D38xH10		Cái	12.0	12.0	0	12	
1.21	Cò mổ	8080-75		Cái	12.0	12.0	0	12	
1.22	Móng hãm	A3901117-3		Cái	24.0	24.0	0	24	
1.23	Ống dẫn nước động cơ	D40xL300		Mét	3.0	3.0	0	03	
1.24	Bạc bánh răng trung gian	D25xH35		Bộ	1.0	1.0	0	01	
1.25	Phin lọc gió	0540B		Quả	1.0	1.0	0	01	
1.26	Bơm tay nhiên liệu	7003526		Cụm	1.0	1.0	0	01	
1.27	Bịt mắt nước	D60xH10.		Cái	6.0	6.0	0	06	
1.28	Kết làm mát động cơ	D500xR900xH85		Cái	1.0	1.0	0	01	
1.29	Bơm dầu động cơ	4935792		Cụm	1.0	1.0	0	01	
1.30	Gioăng mặt máy	W4076		Cái	1.0	1.0	0	01	
1.31	Gioăng giàn cò	C17		Cái	6.0	6.0	0	06	
1.32	Bơm nước làm mát động cơ	4935793		Cụm	1.0	1.0	0	01	
1.33	Van hằng nhiệt	A3914489		Cụm	1.0	1.0	0	01	

STT	Tên vật tư, hàng hoá	Nhãn hiệu, mã hiệu, danh điểm, quy cách	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng				Ghi chú
					Nhu cầu	Phê duyet	Hiện có trong kho	Cần mua	
1.34	Van tắt máy	C4942879		Cái	1.0	1.0	0	01	
1.35	Kết sinh hàn	3957544		Cái	1.0	1.0	0	01	
1.36	Pu ly tỷ tăng dây cu doa	3937553		Cái	1.0	1.0	0	01	
2	Bơm cao áp	70C25642							
2.1	Piston long xơ bơm cao áp	70C25642-1		Quả	6.0	6.0	0	06	
2.2	Trục cam bơm	70C25642-2		Trục	1.0	1.0	0	01	
2.3	Bộ gioăng đại tu cao áp	70C25642-3		Bộ	1.0	1.0	0	01	
2.4	Bộ van kim phun (Thay ruột)	43919366		Bộ	6.0	6.0	0	06	
2.5	Phin lọc tinh nhiên liệu	FS1280		Cái	2.0	2.0	01	01	
2.6	Phin lọc thô nhiên liệu	FF5327		Cái	1.0	1.0	0	01	
2.7	Long đen dầu các loại	D15xd10.		Cái	30.0	30.0	0	30	
2.8	Dây cu doa máy hút bụi	MF8820		Sợi	5.0	5.0	0	05	
3	Máy nén khí	C3415353							
3.1	Xéc măng	D90xd87xH2		Bộ	1.0	1.0	0	01	
3.2	Gioăng máy nén khí	C3415353-2		Bộ	1.0	1.0	0	01	
3.3	Bạc biên	C3415353-1		Bộ	1.0	1.0	0	01	
3.4	Nắp máy chia hơi	C3415353-1		Bộ	1.0	1.0	0	01	
3.5	Vòng bi (2 đầu)	BR00018 - 6307		Vòng	2.0	2.0	0	01	
3.7	Công tắc điều khiển máy hút bụi	24V-0013		Cái	4.0	4.0	0	04	
III	HỆ THỐNG THỦY LỰC								
1	Xy lanh ben								
1.1	Bi chao	D60xd50xH35		Bộ	1	1	0	01	
1.2	Bộ gioăng phốt xi lanh nâng ben	D90xd85xH100		Bộ	1	1	0	01	
1.3	Bạc dẫn hướng xi lanh	D85xH100		Cái	2.0	2.0	0	02	
1.4	Xéc măng	D80xH95		Cái	4	4	0	04	
2	Xy lanh đóng mở nắp ben								
2.1	Bộ gioăng phốt xi lanh đóng mở ben	1112B		Bộ	4	4	0	04	
2.2	Bạc nắp xi lanh	1112B		Cái	4	4	0	04	
2.3	Gioăng tròn	D30xH12		Cái	4.0	4.0	0	04	
2.4	Xéc măng	D80xH95		Bộ	4	4	0	04	

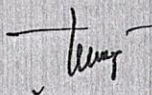
STT	Tên vật tư, hàng hoá	Nhãn hiệu, mã hiệu, danh điểm, quy cách	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng				Ghi chú
					Nhu cầu	Phê duyet	Hiện có trong kho	Cần mua	
2.5	Bạc đuôi xi lanh	D30xH45		Cái	4	4	0	04	
3	Bơm thủy lực	05170		Cụm	1.0				
4	Ngăn kéo điều khiển thủy lực	AD05		Cụm	1.0				
4.1	Gioăng phốt ngăn kéo	AD05-1		Bộ	4.0	4.0	0	04	
4.2	Van điều khiển (Thay gioăng)	AD05-2		Bộ	6.0	6.0	0	06	
-	Ống lên ben	D20xL400		Mét	4.0	4.0	0	04	
-	Ống nắp ben	D20xL1600		Mét	16.0	16.0	0	16	
-	Ống ngăn kéo	D20xL2400		Mét	24.0	24.0	0	24	
-	Ống bơm thủy lực	D20xL500		Mét	5.0	5.0	0	05	
4.3	Phin lọc dầu thủy lực	AF4000		Quả	2.0	2.0	0	02	
4.4	Đồng hồ đo áp lực ngăn kéo	AD05-1		Cái	1.0	1.0	0	01	
4.5	Đồng hồ đo áp lực hơi	T-1387		Cái	1.0	1.0	0	01	
4.6	Lọc dầu thủy lực	D120xH260		Cái	1.0	1.0	0	01	
4.7	Ống áp lực các loại	D20xH4600		Mét	46.0	46.0	0	46	
4.8	Thép tấm SUS 304 dày 3mm (Gia công tủ điều khiển máy hút bụi)	KT tôn hộp (D76xH60)x2+(D76xR25)x4		Kg	106.0	106.0	511,49	0	
IV	Hệ thống điện			HT					
1	Điện ô tô								
1.1	Rơ le điều khiển	5 chân x24V		Cái	12.0	12.0	0	12	
1.2	Ắt bảo vệ	AT60		Cái	6.0	6.0	0	06	
1.3	Đồng hồ hiển thị	HV8144		Bộ	1.0	1.0	0	01	
1.4	Nút bấm	24V		Cái	6.0	6.0	0	06	
1.5	Công tắc an toàn	24V		Cái	4.0	4.0	0	04	
1.6	Đèn cảnh báo	24V		Cái	4.0	4.0	0	04	
1.7	Cảm biến áp suất	100KBA		Cái	5.0	5.0	0	05	
1.8	Đèn chiếu sáng	24V		Cái	4.0	4.0	0	04	
1.9	Dây điện 1x1,5	1x1.5		Mét	150.0	150.0	0	150	
1.10	Ống ghen	Φ2.0		Mét	150.0	150.0	0	150	
1.11	Cắt mát	24v x 120A		Cái	1.0	1.0	0	01	
1.12	Cầu chì	15A		Cái	30.0	30.0	0	30	
1.13	Rơ le ca bin	24V8580		Cái	10.0	10.0	0	10	

STT	Tên vật tư, hàng hoá	Nhãn hiệu, mã hiệu, danh điểm, quy cách	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng				Ghi chú
					Nhu cầu	Phê duyet	Hiện có trong kho	Cần mua	
1.14	Đèn chiếu sáng ca bin	24V		Cái	4.0	4.0	0	0.4	
1.15	Đèn hậu sau (đèn tròn)	Φ110		Bộ	2.0	2.0	0	0.2	
1.16	Đèn xi nhan sau	D16xH16		Cái	2.0	2.0	0	0.2	
1.17	Đèn phanh	D16xH16		Cái	2.0	2.0	0	0.2	
1.18	Đèn xi nhan cánh cửa	A404047		Cái	2.0	2.0	0	0.2	
1.19	Đèn gầm trước	A044306		Cái	2.0	2.0	0	0.2	
1.20	Máy khởi động	19D00155		Cụm					
-	Chổi than	19D00155-1		Cái	1.0	1.0	0	0.1	
-	Vòng bi	6308 2Z-C3		Vòng	1.0	1.0	1.8	0	
1.21	Máy phát	JFZ2730		Cụm					
-	Chổi than	JFZ2730-1		Cái	1.0	1.0	0	0.1	
-	Vòng bi	6204 2Z-C3		Vòng	1.0	1.0	1.4	0	
2	Hệ thống điều hoà								
2.1	Lốc nén Sanden	V-59G		Cụm	1.0	1.0	0	0.1	
2.2	Bộ làm lạnh BEU-404-100 bao gồm:	BEU-404-100		Bộ	1.0	1.0	0	0.1	
-	Quạt giàn lạnh	376B		Cái	1.0	1.0	0	0.1	
-	Giàn lạnh	100129A		Cái	1.0	1.0	0	0.1	
-	Rơ le nhiệt	E1518		Cái	1.0	1.0	0	0.1	
-	Công tắc quạt gió	5A000		Cụm	1.0	1.0	0	0.1	
-	Công tắc số	AV2312		Cụm	1.0	1.0	0	0.1	
-	Điện trở số	H0811		Cái	1.0	1.0	0	0.1	
-	Van tiết lưu	1020		Cái	1.0	1.0	0	0.1	
2.3	Giàn nóng	HBS43x34		Cụm	1.0	1.0	0	0.1	
2.4	Quạt gió giàn nóng lồng sắt	356R		Cụm	1.0	1.0	0	0.1	
2.5	Van áp suất	196M		Cụm	1.0	1.0	0	0.1	
2.6	Ống tuy ô hạ áp lốc	D13		m	3.5	3.5	0	3.5	
2.7	Ống tuy ô cao áp lốc	D10		m	3.0	3.0	0	0.3	
2.8	Ống tuy ô cao áp giàn nóng	D10		m	8.0	8.0	0	0.8	
2.9	Ống tuy ô cao áp phin lọc	D8		m	2.0	2.0	0	0.2	
2.10	Khớp nối ống ga	D10		Cái	8.0	8.0	0	0.8	
2.11	Phin lọc ga	R515		Cái	1.0	1.0	0	0.1	
2.12	Dầu lốc lạnh	RN 68H		Lít	0.5	0.5	0	0.5	

STT	Tên vật tư, hàng hoá	Nhãn hiệu, mã hiệu, danh điểm, quy cách	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng				Ghi chú
					Nhu cầu	Phê duyet	Hiện có trong kho	Cần mua	
2.13	Ga điều hòa	134A		Kg	2.0	2.0	0	02	
V	Bộ lai máy hút chân không (bộ ly hợp)			Bộ					
1	Lá côn	D320xH15.		Cái	1.0	1.0	0	01	
2	Bì dẫn hướng	D70xR32xH25.		Bộ	1.0	1.0	0	01	
3	Căn bi	D70xH5		Bộ	1.0	1.0	0	01	
4	Gioăng phốt	D100xR1.5xH70		Bộ	1.0	1.0	0	01	
VI	Bơm hút bụi (Đầu nén máy hút bụi)	16208-B							
1	Ruột máy hút bụi	16208-B3		Cái	2.0				
-	Căn trục	16208-B3-1		Cái	4.0	4.0	0	04	
-	Phốt	16208-B3-2		Cái	4.0	4.0	0	04	
-	Vòng bi (2 đầu)	D140xR65xH34 - CR		Vòng	4.0	4.0	0	04	
2	Gioăng làm kín mặt chà	16208-B3-4		Cái	4.0	4.0	0	04	
3	Phốt trục bơm	D88xR140xH9 - CR-34883		Cái	5.0	5.0	0	05	
4	Phốt đuôi bơm	D64xR82xH8		Cái	1.0	1.0	0	01	
VII	Hộp số								
1	Bì tê hộp số	0GT16		Cái	2.0	2.0	0	02	
VIII	Phần gầm								
1	Giảm sóc trước	2921FB		Cái	2.0	2.0	0	02	
2	Sơn chống rỉ gầm, la răng	2KB450		Kg	20.0	20.0	0	20	
IX	Phần vỏ (thùng hút bụi - ca bin xe)								
1	Thùng hút bụi								
1.1	Thép tấm dày 5mm	KT tấm tôn: 3.0mx0,5mx2		Kg	290.5	290.5	0	290,5	
1.2	Thép tấm SUS304 dày 3mm (Ốp thùng chứa)	KT tấm tôn: 2.2mx2,05m		Kg	106.2	106.2	0	106,2	
1.3	Thép hình U60 (Thay thế, gia cố xương sàn thùng)	U60xD600x85		Mét	10.0	10.0	0	10	
1.4	Gioăng làm kín nắp ben	D1473. VL Cao su		Bộ	1.0	1.0	0	01	
1.5	Gioăng làm kín thành thùng	D1473. VL Cao su		Mét	30.0	30.0	0	30	
2	Ca bin xe								
2.1	Gạt mưa	J5		Cái	2.0	2.0	0	02	
2.2	Thép tấm dày 2mm	KT tấm tôn: 0.15mx3.5m		Kg	8.0	8.0	243,25	0	

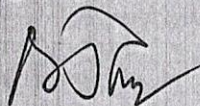
STT	Tên vật tư, hàng hoá	Nhãn hiệu, mã hiệu, danh điểm, quy cách	Mã vật tư	ĐVT	Số lượng				Ghi chú
					Nhu cầu	Phê duyet	Hiện có trong kho	Cần mua	
2.3	Bọc ghế lái, phụ, ghế dài sau lái	Bọc lại da		Bộ	1.0	1.0	0	01	
2.4	Que hàn K7018; D3,2	D 3,2 mm		Kg	10.0	10.0	15 Fy	0	
3	Sơn thùng hút bụi								
3.1	Sơn màu hai thành phần	2KB450		Kg	20.0	20.0	0	20	
3.2	Sơn chống rỉ hai thành phần	2KB450		Kg	10.0	10.0	0	10	
3.3	Dầu pha sơn	Putin		Lít	5.0	5.0	0	05	
3.4	Bả matít hộp	380		Thùng	3.0	3.0	0	03	
4	Sơn ca bin xe								
4.1	Sơn màu hai thành phần	2KB450		Kg	25.0	25.0	0	25	
4.2	Sơn đen hai thành phần	2KB450		Kg	7.0	7.0	0	07	
4.3	Sơn lót hai thành phần	2KB450		Kg	4.0	4.0	0	04	
4.4	Dung môi pha sơn chống rỉ	Putin		Kg	2.5	2.5	0	2,5	
4.5	Dung môi pha sơn M601	M601		Kg	18.0	18.0	0	18	
4.6	Chất làm khô sơn M112	M112		Kg	18.0	18.0	0	18	
4.7	Bả matít hộp	380		Kg	10.0	10.0	0	10	

Bộ phận đề nghị cấp



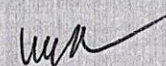
Lê Thanh Tùng

Phòng Kỹ thuật An toàn



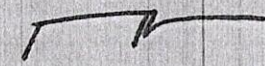
Bùi Văn Thức

Phòng KH - ĐT - VT 



Nguyễn Đức Quang

KT. Giám đốc



Nông Duy Nhung

